



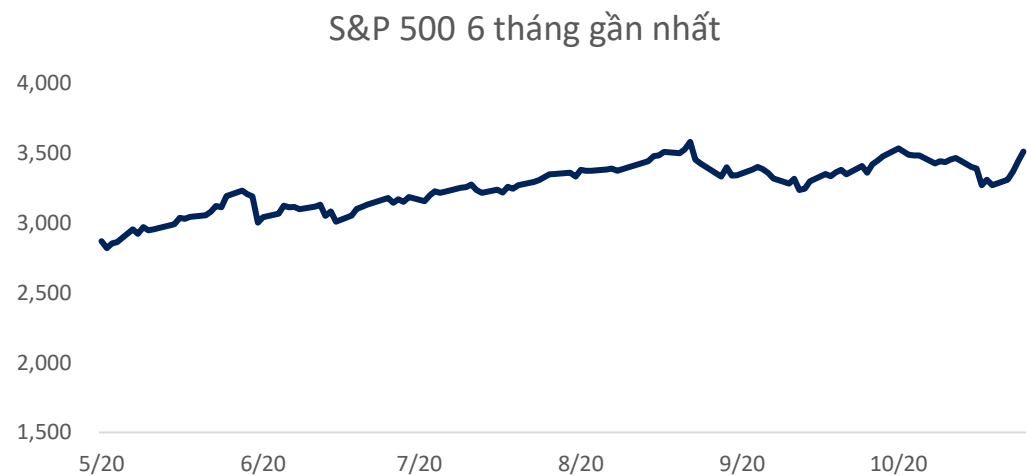
06/11/20

**DAILY** MORNING

Kết quả bầu cử gần ngã ngũ, TTCK  
Mỹ tiếp tục tăng

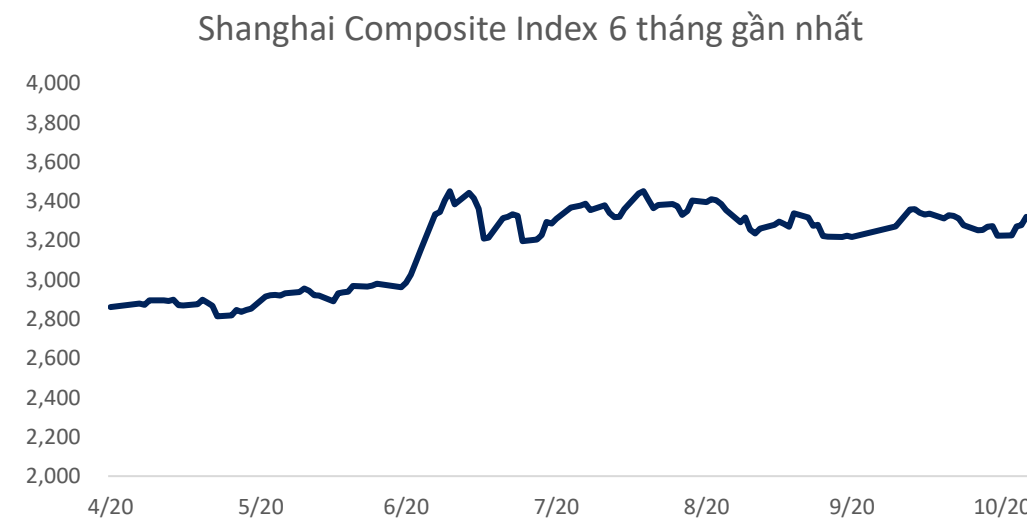
# Kết quả bầu cử gần ngã ngũ, TTCK Mỹ tiếp tục tăng

|                   | 6/11     | % Sáng<br>6/11 | 5/11     | % Ngày<br>5/11 | % Tuần | % Tháng |
|-------------------|----------|----------------|----------|----------------|--------|---------|
| VN INDEX          |          |                | 937.75   | -0.21%         | 2.03%  | 2.41%   |
| S&P 500           |          |                | 3,510.45 | 1.95%          | 6.05%  | 4.45%   |
| S&P500<br>Futures | 3,491.25 | -0.39%         | 3,504.75 | 2.03%          | 6.94%  | 2.48%   |
| Shanghai          |          |                | 3,320.13 | 1.30%          | 1.45%  | 3.19%   |
| Euro Stoxx        |          |                | 3,215.56 | 1.72%          | 8.63%  | -0.55%  |



Nguồn: Bloomberg, BSC

| Tin vĩ mô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | PTKT                                                                                      |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>Đơn xin trợ cấp thất nghiệp mới giảm xuống 751 nghìn đơn trong tuần kết thúc hôm 31/10</li> <li>FED duy trì lãi suất điều hành tại 0-0.25%, duy trì thu mua trái phiếu chính phủ, chứng khoán đảm bảo bằng thể chấp tại mức hiện hành lần lượt là 120 tỷ USD/ tháng và 40 tỷ USD/tháng.</li> <li>10/11 ngành cấp 1 thuộc S&amp;P500 tăng điểm. Những ngành tích cực nhất là: Nguyên vật liệu (+4.05%), Công nghệ thông tin (+3.12%), Tài chính (+2.46%). Những ngành tiêu cực nhất là: Năng lượng (-0.04%).</li> </ul> | <b>S&amp;P 500</b><br>Xu hướng Tăng<br>Kháng cự 3600<br>Hỗ trợ 3050<br>Điểm PTKT TÍCH CỰC |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | <b>SHComp</b><br>Xu hướng Tích lũy<br>Kháng cự 3500<br>Hỗ trợ 3000<br>Điểm PTKT TRUNG LẬP |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                           |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                           |

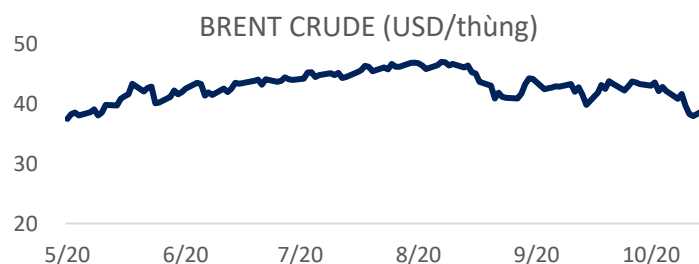


Nguồn: Bloomberg, BSC

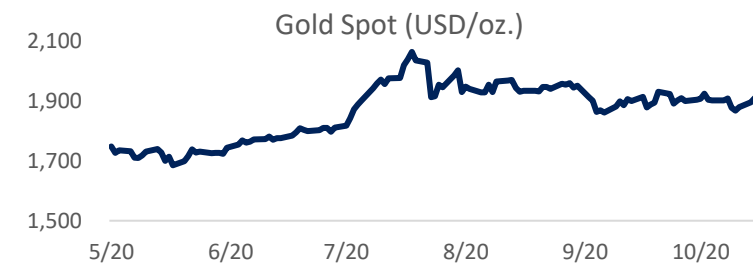
| Mặt hàng     | Đơn vị   | 6/11     | % Sáng 6/11 | 5/11     | % 5/11 | % Tuần  | % Tháng | Tích cực           | Tiêu cực           |
|--------------|----------|----------|-------------|----------|--------|---------|---------|--------------------|--------------------|
| WTI CRUDE    | USD/bbl. | 38.42    | -0.95%      | 38.79    | -0.92% | 7.35%   | -4.50%  | PVD, PVT           | GAS, BSR           |
| BRENT CRUDE  | USD/bbl. |          |             | 40.93    | -0.73% | 6.98%   | -5.10%  | PVD, PVT           | GAS, BSR           |
| GASOLINE     | USd/gal. | 111.14   | -0.40%      | 111.59   | 0.70%  | 7.67%   | -5.11%  | HVN, VJC           | PLX, OIL           |
| Gold Spot    | USD/oz.  | 1,943.53 | -0.31%      | 1949.66  | 2.46%  | 3.44%   | 2.97%   | PNJ                |                    |
| Silver Spot  | USD/oz.  | 25.13    | -0.98%      | 25.37    | 6.16%  | 6.21%   | 5.56%   | PNJ                |                    |
| SOYBEAN      | USd/bu.  |          |             | 1,103.75 | 1.61%  | 5.07%   | 5.57%   | HKB                | DBC, QNS           |
| WHEAT        | USd/bu.  |          |             | 609.25   | 0.54%  | 0.91%   | 2.78%   |                    | AFX                |
| MILK         | USD/cwt  |          |             | 23.50    | -0.30% | -1.67%  | 21.38%  | KDC                | VNM, GTN, QNS      |
| RUBBER       | JPY/kg   | 225.30   | 4.16%       | 216.30   | 2.90%  | -14.01% |         | DPR, PHR, HAG, HNG | SRC, CSM, DRC      |
| SUGAR        | USd/lb.  |          |             | 14.48    | -1.16% | 0.56%   | 4.32%   | VNM, GTN, QNS      | SBT, LSS, SLS, QNS |
| COFFEE       | USd/lb.  |          |             | 108.45   | 2.65%  | 1.17%   | -1.27%  | CTP, DLG           | VCF, CTP           |
| LME COPPER   | USD/MT   |          |             | 6852.50  | 0.22%  | 1.83%   | 4.94%   | MSN, ACM, BGM      | CAV, SAM, TGP, VTH |
| STEEL BAR    | CNY/MT   | 3,771.00 | 0.45%       | 3754.00  | 0.48%  | 2.28%   | 7.13%   | HSG, HPG, NKG      | PC1, CTD, HBC      |
| LME ALUMINUM | USD/MT   |          |             | 1897.50  | -0.58% | 5.24%   | 7.51%   | CAV, SAM, TGP, VTH |                    |
| DCE Iron Ore | CNY/MT   | 791.00   | 1.02%       | 783.00   | -1.14% | 0.64%   | 2.66%   | HSG, HPG           | HSG, HPG           |
| ICE Coal     | USD/MT   |          |             | 62.70    | 1.95%  | 4.24%   | -2.64%  | HLC, NBC, TNT, THT | HT1, BCC, PPC, POW |

Ghi chú: USd = US Cent

- Vàng tăng chủ yếu bởi khả năng Joe Biden sẽ giành chiến thắng trong cuộc đua giành ghế tổng thống, có thể thực hiện nhiều chính sách kích thích trong giai đoạn tới.



Nguồn: Bloomberg, BSC

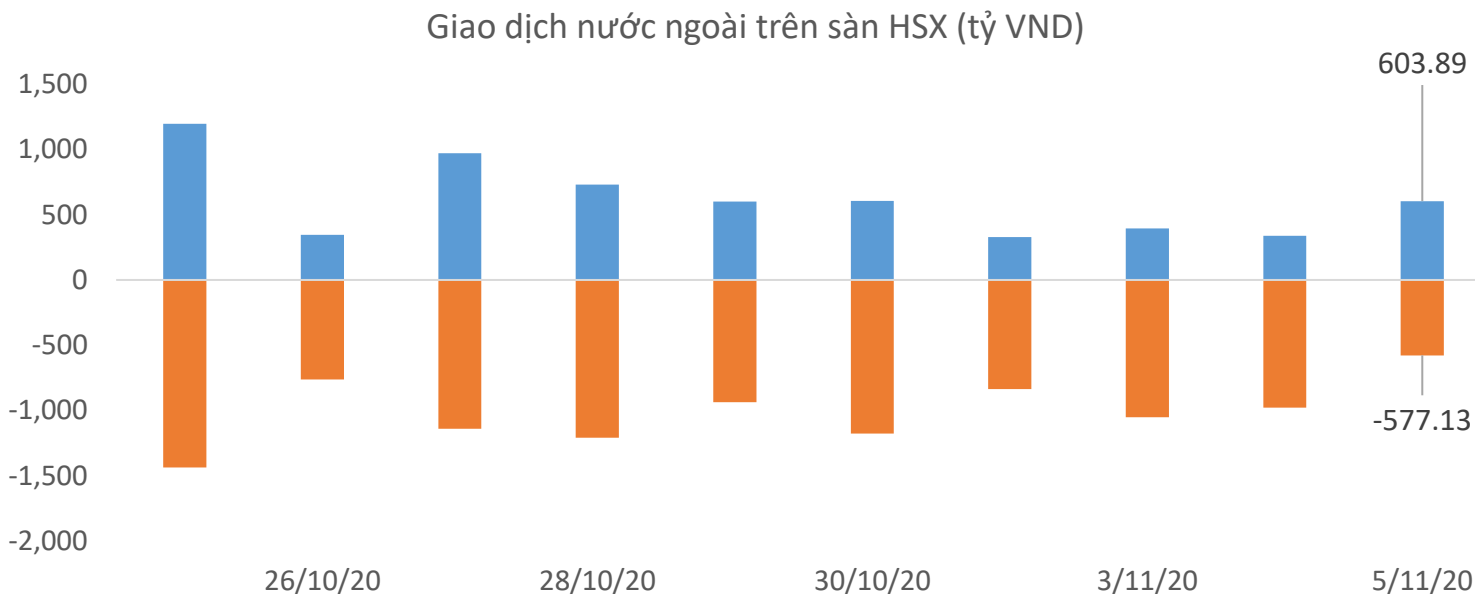


Nguồn: Bloomberg, BSC

# ETF FTSE, E1 và Diamond tăng quy mô

| ETF       | AUM<br>(tr. USD) | NAV/CP<br>(USD) | ± Chứng<br>chỉ quỹ | %<br>Premium | Dòng vốn ròng (triệu USD) |     |      |       | Nhận định                                                                                                                                                                                                                 |
|-----------|------------------|-----------------|--------------------|--------------|---------------------------|-----|------|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           |                  |                 |                    |              | 1D                        | 1W  | 1M   | 3M    |                                                                                                                                                                                                                           |
| VNM       | 395.1            | 15.4            | 0.00               | -0.3%        | 0.0                       | 0.0 | -3.0 | 4.5   | Các ETFs FTSE, E1 và Diamond đều tăng được quy mô. ETF FTSE có premium lớn nhiều khả năng còn tăng được quy mô trong khi các quỹ khác cân bằng.<br>Khối ngoại mua ròng các nước khu vực, ngoại trừ Sri Lanka và Thailand. |
| FTSE      | 256.0            | 30.7            | 0.01               | 3.4%         | 0.4                       | 0.4 | 1.2  | 1.5   |                                                                                                                                                                                                                           |
| iShare    | 383.1            | 26.3            | 0.00               | 1.3%         | 0.0                       | 0.0 | 0.0  | 0.0   |                                                                                                                                                                                                                           |
| E1VFN30   | 268.9            | 0.7             | 0.30               | 0.3%         | 0.2                       | 0.6 | -6.8 | 7.0   |                                                                                                                                                                                                                           |
| FUEVFN30  | 105.9            | 0.6             | 0.60               | 0.5%         | 0.4                       | 0.5 | 4.4  | 15.0  |                                                                                                                                                                                                                           |
| FUESSVFL  | 38.3             | 0.5             | 0.00               | -0.9%        | 0.0                       | 0.0 | 0.4  | 1.0   |                                                                                                                                                                                                                           |
| FUESSVN30 | 2.4              | 0.5             | 0.00               | 0.4%         | 0.0                       | 0.0 | -0.4 |       |                                                                                                                                                                                                                           |
| VN100     | 3.0              | 0.5             | 0.00               | 0.3%         | 0.0                       | 0.0 | -0.1 | 0.3   |                                                                                                                                                                                                                           |
| KIM       | 185.7            | 11.6            | 0.00               | -0.4%        | 0.0                       | 0.0 | -1.1 | 8.6   |                                                                                                                                                                                                                           |
| PREMIA    | 21.9             | 9.7             | 0.00               | -0.1%        | 0.0                       | -   | -    | (4.3) |                                                                                                                                                                                                                           |

| Khối ngoại<br>(tr. USD)                               | Ngày   | Lũy kế từ<br>đầu tuần | Lũy kế từ<br>đầu tháng |
|-------------------------------------------------------|--------|-----------------------|------------------------|
| Việt Nam                                              | 0.58   | -76.69                | -76.69                 |
| ASEAN4*                                               | 51.80  | -247.82               | -247.82                |
| Ấn Độ                                                 | 22.42  | 345.22                | 345.22                 |
| Đài Loan                                              | 621.51 | 1619.81               | 1619.81                |
| Hàn Quốc                                              | 19.32  | 1485.46               | 1485.46                |
| Nhật Bản                                              |        | -2031.34              | 20676.50               |
| Trung Quốc                                            |        |                       | -16562.35              |
| Ghi chú: * Thailand, Phillipines, Malaysia, Indonesia |        |                       |                        |
| Credit Default Swap                                   |        | MoM %                 |                        |
| Việt Nam                                              |        | 1.31                  |                        |
| Thái Lan                                              |        | -8.75                 |                        |
| Singapore                                             |        | 1.31                  |                        |
| Phillippines                                          |        | -4.60                 |                        |
| Malaysia                                              |        | -3.08                 |                        |



Nguồn: Fiinpro, BSC



## Tin vĩ mô

- Theo Hiệp hội Lương thực Việt Nam, 10 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu gạo của Việt Nam ước đạt trên 5.35 triệu tấn với trị giá 2.64 tỷ USD, tăng 9.7% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Tính từ ngày 4/9 đến ngày 31/10 đã có 10 doanh nghiệp nộp đơn xin chứng nhận với khối lượng khoảng 5,932 tấn gạo thơm xuất khẩu sang EU để hưởng thuế 0%.
- Theo World Bank, lượng kiều hối năm 2020 được dự báo giảm hơn 7% còn 15.7 tỷ USD - chiếm tỷ trọng 5.8% GDP. Đây là lần đầu tiên kiều hối về Việt Nam giảm kể từ năm 2010. Trước đó, trong năm 2019, con số này đạt 17 tỷ USD, chiếm 6.5% GDP.

## Thông số kỹ thuật

|          |           |
|----------|-----------|
| Xu hướng | Hồi phục  |
| Chỉ báo  | Trung lập |
| Kháng cự | 950       |
| Hỗ trợ   | 905       |



Nguồn: FireAnt, BSC

- FMC: Doanh số tiêu thụ tháng 10 là 22,9 triệu USD, tăng gần 40% so với cùng kỳ. Lũy kế 10 tháng, doanh số chung đạt 161 triệu USD, tăng 19% so với cùng kỳ và tương đương cả năm 2019. Sao Ta cho biết trong tháng 11 này sẽ thu hoạch toàn bộ ao tôm thả nuôi vụ 2.
- M10: Ngày 11/11 tới sẽ chốt danh sách cổ đông trả cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt với tỷ lệ 17%. Thời gian thanh toán cổ tức dự kiến từ ngày 9/12/2020.
- HBC: Ngày 04/11, HĐQT đã có nghị quyết thông qua việc trả cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 3%. Thời gian thực hiện dự kiến trong quý IV/2020.
- TV1: Thông báo phương án bán đấu giá công khai Nhà máy thủy điện Sông Bung 5, giá khởi điểm đợt này là 1.390 tỷ đồng. Đây là giá đã bao gồm cả khoản nợ vay ngân hàng của dự án Sông Bung 5, nhưng không bao gồm thuế GTGT và các loại thuế phí, lệ phí...
- DIG: Đã thông qua việc bán hơn 8,25 triệu cổ phiếu quỹ hiện có theo phương thức thỏa thuận và khớp lệnh. Thời gian thực hiện dự kiến trong quý IV/2020.
- VTB: Ngày 23/11 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2019 và tạm ứng năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 24/11. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ tổng cộng là 10%. Thanh toán bắt đầu từ ngày 10/12/2020.
- CDC: Ngày 13/11 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2019 và tạm ứng đợt 1 năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 16/11. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ tổng cộng là 30% (trong đó, năm 2019 là 20% và tạm ứng đợt 2020 là 10%). Thanh toán bắt đầu từ ngày 30/11/2020.
- HTN: Ngày 13/11 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2019, ngày đăng ký cuối cùng là 16/11. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 18%, thanh toán bắt đầu từ ngày 30/11/2020.
- VIX: CTCP Tư vấn quản lý và Đầu tư Đỏ, cổ đông đã mua vào hơn 545.000 cổ phiếu VIX trong ngày 30/10. Sau giao dịch, cổ đông trên đã nâng sở hữu tại VIX lên hơn 6,84 triệu cổ phiếu, tỷ lệ 5,36%.

*\*Nếu cần tư vấn thêm, vui lòng liên hệ môi giới cá nhân hoặc đại diện Trung tâm tư vấn khách hàng cá nhân i-center: [i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)*

# FMC

## 31.6

CTCP Thực phẩm  
Sao Ta

Xu hướng hiện tại

### Hồi phục

Khuyến nghị  
kỹ thuật

### Trung lập

Kháng cự 32

Hỗ trợ 30.75

MACD ↑

RSI ↔

Moving Avg ↓

Giá mục tiêu 33.5

Upside 8%

#### Phân tích chỉ tiêu định giá

Cổ phiếu có PE hiện tại 6.9 thấp hơn trung bình ngành ; thấp hơn trung bình thị trườngPB hiện tại 1.52 cao hơn trung bình ngành ; cao hơn trung bình thị trường. Bên cạnh đó , PE năm trước 6.72 .PE ngành 19.45, PB ngành 1.34. PE thị trường 26.24, PB thị trường 1.29

#### Phân tích chỉ tiêu tăng trưởng

Doanh thu 12 tháng gần nhất là 4167.1 tỷ đồng , tăng trưởng 11.82 %.Lợi nhuận sau thuế 12 tháng gần nhất là 223.87 tỷ đồng , tăng trưởng -0.94 %.Tăng trưởng doanh thu 3 năm đạt 6.63 %.Tăng trưởng lợi nhuận 3 năm đạt 32.43 %.

# MPC

## 28.3

CTCP Tập đoàn  
Thủy sản Minh Phú

Xu hướng hiện tại

### Hồi phục

Khuyến nghị  
kỹ thuật

### Trung lập

Kháng cự 29

Hỗ trợ 28.25

MACD ↑

RSI ↔

Moving Avg ↓

Giá mục tiêu 30.5

Upside 9%

#### Cập nhật KQKD

6T.2020 kim ngạch xuất khẩu 227 triệu USD (-17% YoY), sản lượng đạt 20,642 tấn (-19% YoY): trong đó: Mỹ 37 triệu USD (-67%) , EU 23 triệu USD (-39% YoY) , Hàn Quốc: 12 triệu USD (-33%)

LNTT 6T đạt 244 tỷ (+35% YoY), tương đương Q2 đạt 175 tỷ (+62% YoY).

Mỹ (bị ảnh hưởng bởi thuế 10% khiến kim ngạch của MPC sụt giảm), các thị trường khác đều giảm mạnh. Xu hướng tiêu dung tăng mạnh ở kênh siêu thị, giảm mạnh ở kênh HORECA (công ty cho rằng triển vọng 2021 vẫn xấu).

Nguồn: FireAnt, BSC i-Broker

BSC i-Bond

BSC  
Fortune

BSC  
Invest

BSC  
iBROKER



# Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

## BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV  
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: +84 4 3935 2722  
Fax: +84 4 2220 0669

## BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: +84 8 3821 8885  
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>  
Bloomberg: RESP BSCV <GO>

## Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu  
[hn.ptnc@bsc.com.vn](mailto:hn.ptnc@bsc.com.vn)  
(+84) 39352722 - Ext 108

## Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC  
[hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn](mailto:hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn)  
(+84)2439264659

## Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center  
[i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)  
(+84)2437173639